

Bản án số: 01/2025/HS-PT

Ngày: 07 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN.

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Các Thẩm phán: Ông Cao Thiện Vinh;
Ông Nguyễn Văn Được.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 - 01 - 2025, tại Phòng xét xử số 2, Tòa án nhân dân tỉnh X xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Hồ Phương V và các đồng phạm do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh X.

- Các bị cáo không có kháng cáo nhưng có kháng cáo của đại diện hợp pháp:

1. HỒ PHƯƠNG V, sinh ngày: 03/12/2007, tại tỉnh X. Giới tính: Nam; (Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 16 tuổi 05 tháng 13 ngày). Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hồ Văn C và bà Lê Thị Cẩm N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân:

Tại quyết định số 131/QĐ-XPHC ngày 19/6/2023, bị Trưởng Công an thành phố TC, tỉnh X xử phạt “Cảnh cáo”, về hành vi “Cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”;

Tại quyết định số 133/QĐ-XPHC ngày 13/10/2023, bị Trưởng Công an huyện F, tỉnh X xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Mang theo trong người các loại vũ

khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”.

Tại quyết định số 03/QĐ-XPTT ngày 03/01/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện F quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 06 tháng, từ ngày 03/01/2024..

Tạm giữ: 17/5/2024, Tạm giam: 23/5/2024;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện F.

Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN K (tên gọi khác: S), sinh ngày: 15/12/2007, tại tỉnh X. Giới tính: Nam; *(Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 16 tuổi 05 tháng 01 ngày)*. Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Trung P và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân:

Tại quyết định số 135/QĐ-XPHC ngày 13/10/2023, bị Trưởng Công an huyện F xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Mang theo trong người các loại vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”.

Tạm giữ: 17/5/2024, Tạm giam: 23/5/2024;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện F.

Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN VĂN T, sinh ngày: 01/02/2007, tại Ninh Thuận. Giới tính: Nam; *(Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 17 tuổi 03 tháng 15 ngày)*. Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn H1 và bà Võ Thị P1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: 17/5/2024, Tạm giam: 23/5/2024; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện F.

Có mặt tại phiên tòa.

4. NGUYỄN NGỌC K1 (Tên gọi khác: M), sinh ngày: 03/10/2007, tại tỉnh X. Giới tính: Nam; *(Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 16 tuổi 07 tháng 13 ngày)*. Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh F.

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc S1 và bà Nguyễn Thị Q; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự:

Tại quyết định số 136/QĐ-XPHC ngày 13/10/2023, bị Trưởng Công an huyện F, tỉnh X xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Mang theo trong người các loại vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”; Nộp phạt ngày 26/10/2023.

Nhân thân:

Tại quyết định số 114a/QĐ-XPHC ngày 22/3/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh X xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại quyết định số 150a/QĐ-XPHC ngày 25/4/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh X xử phạt “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tại quyết định số 151/QĐ-XPTT ngày 28/4/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh X Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 29/4/2022. Chấp hành xong ngày 01/11/2022.

Tạm giữ: 17/5/2024, Tạm giam: 23/5/2024;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện F.

Có mặt tại phiên tòa.

5. TRẦN GIA B, sinh ngày: 06/10/2007, tại tỉnh X. Giới tính: Nam; (*Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 16 tuổi 7 tháng 10 ngày*). Nơi cư trú: Thôn SH1, xã E, huyện F, tỉnh X. Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn B1 và bà Lê Thị Bích N1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: 18/5/2024, Tạm giam: 24/5/2024;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X.

Có mặt tại phiên tòa.

** Đại diện hợp pháp của các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bà Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1981; Là mẹ của bị cáo Hồ Phương V.

Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Trung P, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; Là cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Văn K.

Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Võ Thị P1, sinh năm 1992; Là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn T.

Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X;

Có mặt tại phiên tòa.

4. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987; Là mẹ của bị cáo Nguyễn Ngọc K1;

Nơi cư trú: Thôn SH2, xã E, huyện F, tỉnh X;

Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Lê Thị Bích N1, sinh năm 1984; Là mẹ của bị cáo Trần Gia B;

Nơi cư trú: Thôn SH1, xã E, huyện F, tỉnh X.

Có mặt tại phiên tòa.

6. Ông Lê Văn H2, sinh năm: 1960

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường ĐS, thành phố TC, tỉnh X.

Là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trung P và của bà Lê Thị Q
(Hợp đồng ủy quyền lập ngày 30/12/2024)

Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K: Ông Đỗ Thanh L, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh X;

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi trước bài bào chữa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Trần Thanh T1, thuộc Văn phòng Luật sư G, Đoàn Luật sư tỉnh X.

Địa chỉ: Số 09 đường HP, khu phố 02, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh X.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người bào chữa cho bị cáo Trần Gia B: Luật sư Vũ Thanh Q1, thuộc Văn phòng Luật sư A – Đoàn luật sư Thành phố R.

Địa chỉ: 277/51 đường TTH 22, phường TT, quận 12, thành phố R.

Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 8 bị cáo khác: Hồ Văn T2, Trần Văn M1, Võ Vũ Q2, Phan Hữu H3, Nguyễn Văn M2, Nguyễn Văn V, Trịnh Văn V1, Lương Văn Đ; Đại diện hợp pháp của bị cáo Lương Văn Đ; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên vào khoảng 19 giờ ngày 16/5/2024, Hồ Văn T2 cầm dao đi tìm Lê Thành D. Khi đến khu vực bờ kè biển thuộc thôn SH1, xã E, thấy D đang ngồi uống bia với Huỳnh Thanh H4 (tên gọi khác: W), Diệp Nghĩa T3, Trần Văn T4 và anh Huỳnh Văn G, T2 cầm dao xông vào đánh D nhưng được H4, T3 can ngăn, T2 bỏ đi về.

Trên đường về, T2 nảy sinh ý định rủ thêm người và chuẩn bị hung khí để quay lại đánh nhau với nhóm Huỳnh Thanh H4. T2 gọi điện rủ Hồ Phương V, V đồng ý và rủ thêm Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K (S) cùng đi. K gọi điện cho Nguyễn Ngọc K1, Đỗ Văn Hoàng T5 đi đánh nhau.

Nhóm của V gồm: V cầm theo 01 cây dao tự chế cùng với T, K1, T5, K đi về cầu liên thôn SH gặp T2 để đi đánh nhau. Khi đến cầu SH, V thấy Lương Văn Đ nên rủ Đ cùng tham gia đánh nhau. Nguyễn Văn T gặp Nguyễn Văn H5 đang đi ngang qua cầu nên rủ đi đánh nhau và đưa cho H5 50.000 đồng đi mua xăng để chế tạo bom xăng, H5 đồng ý. Sau đó, H5 và T đổ xăng vào vỏ chai bia thủy tinh được 04 chai, sau đó dùng vải bịt miệng chai để làm bom xăng.

Ngoài ra, khi biết tin V cùng K đi cùng Hồ Văn T2 nên Huỳnh Thanh T6, Trần Thiên V2 (B2), Nguyễn Thái N2, Phan Thanh P2 (Đ1) cùng đi đến chỗ V.

Cùng lúc này, Võ Vũ Q2 đang đi chơi cùng Trần Gia B, Nguyễn Văn V và một người thanh niên tên “T7” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực trạm bơm thì có một người thanh niên tên “P3” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nói Q2 đi lấy hung khí để cùng với Hồ Văn T2 đi đánh nhau, Q2 đồng ý. Q2 cùng B, V, “T7” đi tìm Nguyễn Văn M2 để lấy hung khí. Khi tới gặp M2, Q2 nói với M2 về việc T2 bị nhóm của H4 chặn đánh, nói M2 đi lấy hung khí để đánh nhóm H4, M2 đồng ý. M2 rủ Phạm Văn B3 (L) đi cùng, Bình đồng ý. M2, Q2, V, B, B3 và người thanh niên tên “T7” đi về nhà M2 để lấy hung khí là 03 cây dao tự chế. Sau khi lấy hung khí thì M2, Q2, V, B, B3 về lại cầu liên thôn để tập hợp với nhóm của T2, còn người thanh niên tên “T7” bỏ đi.

Tối cùng ngày, khi Phan Hữu H3 đi mua đồ dùng cá nhân thì gặp Huỳnh Thanh H4, H4 gọi H3 lại, vì lo sợ nên H3 bỏ chạy về nhà. Lúc sau, H3 rủ Trần Văn M1 cùng đi xuống cầu SH để tập trung với nhóm của T2 đi đánh nhau, M1 đồng ý. Ngoài ra, Lý Thanh S2 đi chơi gần cầu liên thôn, do thấy trên cầu có người quen nên S2 đi lại. V nói S2 đi lấy hung khí, S2 đồng ý. S2 chạy đi tìm Nguyễn Thái N2 rủ N2 cùng đi đánh nhau với nhóm H4 thì N2 đồng ý. N2 cùng S2 về nhà N2 lấy 01 con dao tự chế mang xuống cầu. Ngô Gia B (U) thấy nhóm của T2 tập trung ở cầu nên cũng đi theo.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, nhóm Hồ Văn T2 (22 người) tập trung tại cầu liên thôn gồm: Hồ Văn T2, Hồ Phương V, Võ Vũ Q2, Nguyễn Văn M2, Phan Hữu H3, Nguyễn Văn V, Trịnh Văn V1 (Năm Một), Lương Văn Đ, Trần Văn M1, Trần Gia B, Nguyễn Văn K (S), Nguyễn Ngọc K1 (M), Nguyễn Văn T, Huỳnh Thanh T6, Trần Thiên V2, Nguyễn Minh H5, Nguyễn Thái N2, Lý Thanh S2, Phan Thanh P2 (Đ1), Đỗ Văn Hoàng T5, Phạm Văn B3, Ngô Gia B (U). Thành nói cả nhóm đi tìm đánh Huỳnh Thanh H4 thì cả đồng ý rồi chia nhau mang theo hung khí là rựa, dao tự chế, vỏ chai bia, bom xăng; Hồ Văn T2, Hồ Phương V, Lương Văn Đ, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Trịnh Văn V1 mỗi người cầm 01 cây dao tự chế; Võ Vũ Q2, Trần Gia B mỗi người cầm 01 vỏ chai bia; Nguyễn Văn M2, Phan Hữu H3, Nguyễn Ngọc K1 mỗi người cầm 02 vỏ chai bia; Trần Văn M1 cầm theo 01 vỏ chai bia, 01 bom xăng; Nguyễn Văn K cầm theo 01 bom xăng và những người khác cũng cầm vỏ chai bia, bom xăng.

Do đã biết vị trí H4 nhậu nên T2 dẫn cả nhóm di chuyển từ cầu liên thôn SH1 và thôn SH2 dọc theo đường bờ kè gần nhà Huỳnh Thanh H4 thì thấy G, T3, T4, D và một số thanh niên đang nhậu. Hùng được vợ tên Trần Thị Ngọc N3 gọi điện vào nhà. Khi vào nhà Hùng để lại một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh đen của H4 xuống bao cát tại vị trí H4 ngồi, bên cạnh điện thoại Iphone XS màu đen vàng của Diệp Nghĩa T3. Khi H4 đi vào tới nhà thì nhóm của T2 cũng đi đến. Thấy nhóm bạn của H4 ngồi nhậu thì T2 la lên “chém W”, những người đi cùng hô theo “chém nó”, K, M1, M2, Q2, H3, Gia B, V1 ném vỏ chai bia thủy tinh về bàn nhậu, K cầm bom xăng đốt ném về phía bàn nhậu, ném vỏ chai bia về đường bê tông, Hồ Văn T2, V, T cầm dao đuổi đánh H4; Đ, V cầm dao đuổi, rượt nhóm bạn của H4 để chém nhưng không trúng, những người còn lại trong nhóm của T2 dùng vỏ chai bia mang theo, vỏ chai bia có sẵn tại hiện trường ném về phía đường bê tông, ném vào trước cổng nhà H4.

Khi nhóm bạn H4 bỏ chạy về phía biển thì nhóm T2 tiếp tục đuổi đánh, ném vỏ chai bia về phía bạn của H4; Trần Văn M1, Phan Hữu H3 chạy lại chỗ nhậu, H3 dùng dao tự chế đập phá đồ tại chỗ nhậu; Trần Văn M1 dùng tay phải cầm vỏ

chai bia tại bàn nhậu đập theo hướng từ trên xuống dưới bàn nhậu 02 lần trúng điện thoại Iphone 12 Pro Max của H4, 01 điện thoại Iphone XS của Diệp Nghĩa T3 làm hư hỏng 02 điện thoại.

Nhóm T2 tiếp tục truy đuổi, đứng trước cổng nhà H4, cả nhóm la hét, ném vỏ chai bia vào sân nhà H4. Nhóm T2 tiếp tục la hét khoảng 10 phút trước cổng nhà trước nhà H4 và ven đường.

Lúc này, người dân sống ven đường bờ kè phát hiện nhóm của T2 ném bom xăng làm cháy, nổ nên gọi điện thoại báo Công an xã E nên nhóm của T2 giải tán, về lại cầu liên thôn SH, tập trung hung khí đi cất giấu. Cơ quan điều tra đã thu giữ được hung khí của nhóm Hồ Văn T2 gồm nhiều dao tự chế, vỏ chai thủy tinh...

Ngày 06/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện F yêu cầu định giá tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh đen, bị vỡ, rạn nứt màn hình trước và sau; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu đen vàng, bị vỡ, rạn nứt màn hình trước và sau, vào ngày 16/5/2024. Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS, ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện F kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của tài sản là 10.550.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh X đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S), Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M), Trần Gia B phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Phương V 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

2. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S) 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

3. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M) 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Gia B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/5/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 8 bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

** Phần kháng cáo:*

- Ngày 25/9/2024, bà Nguyễn Thị H là mẹ bị cáo Nguyễn Văn K; Bà Lê Thị Cẩm N là mẹ bị cáo Hồ Phương V có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo cho các bị cáo K, V.

- Ngày 02/10/2024, bà Nguyễn Thị Q là mẹ bị cáo Nguyễn Ngọc K1; Nguyễn Trung P là cha bị cáo Nguyễn Văn K; Bà Võ Thị P1 là mẹ bị cáo Nguyễn Văn T; Bà Lê Thị Bích N1 là mẹ bị cáo Trần Gia B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo cho các bị cáo K, T, B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo giống nội dung của bản án sơ thẩm, đồng ý với yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1, Trần Gia B là đúng chủ thể và đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo nộp bổ sung các tài liệu chứng minh gia đình có công với đất nước, ngoài ra các bị cáo bồi thường thiệt hại trong hành vi hủy hoại tài sản. Bị cáo T có nhân thân tốt nhưng qua xác minh tại địa phương, bị cáo nghỉ học, đi biển, gia đình không quản lý được. Các tình tiết này không làm thay đổi bản chất vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh X áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên xử: Không chấp nhận

đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của đại diện hợp pháp các bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện F. Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

** Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K trình bày ý kiến (theo bài bào chữa).*

Căn cứ khoản 2 Điều 318 BLHS, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 BLHS để tuyên bị cáo Nguyễn Văn K, Hồ Phương V phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; đồng thời căn cứ Điều 357 BLTTHS chấp nhận nội dung kháng cáo của đại diện hợp pháp cho các bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ mức án so với bản án sơ thẩm, tạo điều kiện để các bị cáo có động lực phấn đấu cải tạo thành công dân tốt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày ý kiến.*

Thông nhất việc xét xử của Tòa án nhân dân huyện F nhưng mức án tuyên phạt 30 tháng tù là quá nặng. Bị cáo tham gia thực hiện là người thực hành, bị cáo V rủ rê bị cáo T, bị cáo T không có hành vi rủ rê, xúi giục đối với H5. Bị cáo T khắc phục 1 phần hậu quả là 2,5 triệu đồng, cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, đủ điều kiện cho hưởng án treo. Bị cáo T chưa được áp dụng quy định hình phạt đối với người đủ 16 đến dưới 18 tuổi theo Điều 91 BLHS. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 314 BLHS, sửa bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo mức án nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Gia B trình bày ý kiến.*

Bị cáo thực hiện hành vi do xúi giục, bị cáo còn nhỏ tuổi đi theo người lớn trong thôn. Hành vi gây thiệt hại không đáng kể, vai trò không tích cực, tự nguyện bồi thường 2 triệu đồng. Cha mẹ bị cáo không mong muốn bị cáo thực hiện hành vi. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm b, h, i, l, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 điều 54, Điều 65, điểm a, c khoản 1 Điều 91, Nghị quyết 02 năm 2018, nghị quyết 01 năm 2022. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ, xin hưởng án treo.

- Ông Lê Văn H2 trình bày ý kiến:

Trình độ học thức của các bị cáo học chỉ lớp 5,6, hoàn cảnh khó khăn nên cha mẹ lo làm ăn, các bị cáo bị rủ rê, chưa đủ tuổi trưởng thành nên hình phạt là quá cao. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu. Đề nghị áp dụng hình phạt thích hợp, giảm hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: đại diện hợp pháp của các bị cáo chưa thành niên: Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1, Trần Gia B kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của người bào chữa:

Giai đoạn xét xử sơ thẩm, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh X đã cử Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi theo đúng quy định của điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS;

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc K1 và đại diện hợp pháp của bị cáo K1 từ chối người bào chữa. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc K1 và đại diện hợp pháp của các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 76 BLTTHS.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 22 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại đường bê tông liên thôn (đường bờ kè) thuộc thôn SH1, xã E, huyện F, tỉnh X. Các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S), Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M), Trần Gia B cùng với các bị cáo khác tập hợp băng nhóm, đi tìm đánh nhóm của Huỳnh Văn H4. Các bị cáo cùng nhau sử dụng dao tự chế, rựa là hung khí để đuổi đánh nhóm của Huỳnh Thanh H4 nhưng không đánh được nên cùng nhau la hét, sử dụng dao tự chế, cây rựa đập phá tài sản, ném vỏ chai thủy tinh, bom xăng tự chế (vỏ chai thủy tinh có chứa xăng) về phía đường bê tông, bờ kè và nhà ở của Huỳnh Thanh H4, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại khu vực dân cư xã E.

[3] Hành vi của bị cáo thể hiện sự càn quấy, bất chấp pháp luật, trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động bình thường của người dân tại khu dân cư, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân

nên cần thiết phải xử lý nghiêm đề rắn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo: Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1, Trần Gia B về tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung “Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách” và “Xúi dục người khác gây rối”; 03 bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T theo điểm b, d khoản 2 Điều 318 BLHS; 02 bị cáo Nguyễn Ngọc K1, Trần Gia B theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Bảo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là Đầu thú, tự nguyện nộp bồi thường thiệt hại tài sản dù các bị cáo không có nghĩa vụ bồi thường, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 33 tháng tù đối với Hồ Phương V; 30 tháng tù đối với Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, 27 tháng tù đối với Nguyễn Ngọc K1 và 24 tháng tù đối với bị cáo Trần Gia B là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của đại diện hợp pháp của các bị cáo, thấy rằng:

[5.1] Các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Ngọc K.

Các bị cáo V, K, K1 là những người chưa thành niên phạm tội nhưng có nhân thân xấu. Bị cáo V, K1 nhiều lần bị xử phạt hành chính, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường nơi cư trú; bị cáo K 1 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Mang theo trong người các loại vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích” nhưng không sửa đổi mà tiếp tục tụ tập băng nhóm gây mất trật tự tại địa phương, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới không có cơ sở để xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo cho các bị cáo.

[5.2] Bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Gia B.

Các bị cáo T, B là những người chưa thành niên phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, có tình tiết định khung tăng nặng, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS. Bản thân các bị cáo đã bỏ học, làm nghề đi biển, không có việc làm ổn định, thường xuyên đi làm biển ở các đảo xa bờ, không có mặt tại địa phương; Khi nghỉ biển thường xuyên tụ tập bạn bè đi đâu, làm gì gia đình không quản lý được (BL 566, 640).

Mặc khác, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người rủ rê Nguyễn Văn H5 và đưa tiền cho H5 đi mua xăng, rồi cùng chế tạo bom xăng; bị cáo B khi nghe đánh nhau đã tích cực tham gia, đi lấy hung khí là dao tự chế (mã tấu), cầm võ chai bia dùng vào việc phạm tội. Các bị cáo tham gia một cách tích cực. Các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo cho các bị cáo.

[5.3] Các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 2 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao “hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”, tại Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022;

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1, Trần Gia B; Giữ bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh X tại phiên tòa.

[5.4] Ý kiến của Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, Trần Gia B không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Đại diện hợp pháp của các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S), Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K (Tên gọi khác: M), Trần Gia B;

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh X.

Tuyên bố: các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S), Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M), Trần Gia B phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Hồ Phương V 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

- Bị cáo Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: Su) 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

- Bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M) 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17/5/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Gia B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/5/2024.

- Về án phí: Đại diện hợp pháp các bị cáo Hồ Phương V, Nguyễn Văn K (Tên gọi khác: S), Nguyễn Văn T, Nguyễn Ngọc K1 (Tên gọi khác: M), Trần Gia B phải nộp mỗi người 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07 - 01 - 2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- TAND huyện Thuận Nam (02 bản);
- Công an huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- PV 27;
- Sở Tư pháp (kèm án sơ thẩm);
- Bị cáo;
- Phòng KTNV-THA; HCTP;
- Lưu: án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

